

晨起习惯/日常 (morning routine)

1. 听一听，说一说。(Listen and speak.)

2. 把对应的词语和图片连接起来。(Connect the words with the correct pictures.)



chuān wà zi
穿 袜子



qù shàng xué
去 上 学



xǐ liǎn
洗 脸



chuān yī fú
穿 衣服



shuā yá
刷 牙



qǐ chuáng
起 床



chuān xié zi
穿 鞋子



chī zǎo cān
吃 早 餐



shū tóu
梳 头

